

b) Cấp hiệu của học viên chưa phải là sĩ quan nên giống nên cấp hiệu của cấp úy không có vạch dọc, các hình sao nổi ở giữa hai bông lúa màu bạc.

— Cấp hiệu của học sinh các trường đại học có viền xung quanh màu đỏ.

— Cấp hiệu học viên các trường trung cấp, sơ cấp không có viền đỏ xung quanh.

Điều 4. — Phù hiệu của An ninh nhân dân Việt Nam nền màu đỏ úa nhạt, ở giữa có hình an ninh hiệu. Phù hiệu của cấp tướng có đường viền ba bên màu vàng chói.

Khi đeo cấp hiệu ở vai áo thì đeo phù hiệu ở ve cổ áo.

Điều 5. — Lễ phục của sĩ quan An ninh nhân dân Việt Nam :

a) Cấp tướng :

— Mũ Kê-pi màu trắng hồng, có viền đỏ, quai tết màu vàng, hai cành tùng bao quanh an ninh hiệu.

— Áo màu trắng hồng, cổ mở, một hàng cúc màu vàng hình Quốc huy nổi giữa hai bông lúa màu vàng, hai túi chui vào trong ở phía dưới trước thân áo. Trên ve cổ áo có cành tùng và một ngôi sao vàng.

— Quần màu trắng hồng may như trang phục thường.

— Áo sơ mi dài tay cổ cứng.

— Cra-vát màu đen, tất tay màu trắng.

— Dày da đen có tất.

b) Cấp tá : lễ phục của cấp tá giống lễ phục của cấp tướng nhưng mũ kê-pi không có cành tùng bao quanh an ninh hiệu, ve cổ áo không có ngôi sao vàng năm cánh.

c) Lễ phục của sĩ quan cấp úy, hạ sĩ quan, chiến sĩ và trang phục thường dùng

của Lực lượng An ninh nhân dân do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

Điều 6. — Sĩ quan mặc lễ phục trong các ngày lễ, ngày tết, ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân, dự Đại hội Đảng toàn quốc, dự lễ ngoại giao, ngày quốc tang. Việc mặc lễ phục trong các ngày lễ khác và sử dụng trang phục thường dùng của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ An ninh nhân dân do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

Điều 7. — Việc sử dụng An ninh hiệu cấp hiệu, phù hiệu, lễ phục và trang phục An ninh đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ an ninh đã chuyển ra khỏi Lực lượng An ninh do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

Điều 8. — Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

Chủ tịch

ĐỖ MUỖI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 136-HĐBT ngày 27-8-1988 về việc phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, phường của huyện Hóc Môn và các quận Bình Thạnh, Tân Bình thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Quyết định số 64B-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981 ;

Căn cứ Quyết định số 94-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 26-9-1981 ;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Ban Tổ chức của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Nay phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, phường của huyện Hóc Môn và các quận Bình Thạnh, Tân Bình thuộc thành phố Hồ Chí Minh như sau :

A. Huyện Hóc Môn.

1. Chia xã Tân Thới Nhất thành hai xã lấy tên là xã Tân Thới Nhất và xã Bà Điểm :

— Xã Tân Thới Nhất (mới) gồm ấp Lạc Quan và ấp Thuận Kiều, có 385 héc-ta diện tích tự nhiên với 10.327 nhân khẩu.

Địa giới xã Tân Thới Nhất (mới) ở phía đông giáp xã Đông Hưng Thuận ; phía tây bắc giáp xã Bà Điểm ; phía nam giáp phường 15 của quận Tân Bình.

— Xã Bà Điểm gồm 6 ấp Tiên Lân, Trung Lân, Hậu Lân, Tây Bắc Lân, Nam Lân và Đông Lân, có 686 héc-ta diện tích tự nhiên với 20.978 nhân khẩu.

Địa giới xã Bà Điểm ở phía đông giáp xã Tân Thới Nhất ; phía tây giáp xã Xuân Thới Thượng ; phía nam giáp các xã Vĩnh Lộc và Bình Hưng Hòa của huyện Bình Chánh ; phía bắc giáp các xã Tân Xuân và Trung Mỹ Tây.

2. Thành lập xã Tân Chánh Hiệp trên cơ sở một phần ấp Hàng Sao, một phần ấp

Tân Hưng của xã Đông Hưng Thuận gồm 145 héc-ta diện tích tự nhiên với 4.516 nhân khẩu và ấp Đông, ấp Chánh Tây của xã Trung Mỹ Tây gồm 461 héc-ta diện tích tự nhiên với 4.720 nhân khẩu.

Xã Tân Chánh Hiệp gồm 4 ấp Hàng Sao, Tân Hưng, Đông và Chánh Tây, có 606 héc-ta diện tích tự nhiên với 9.236 nhân khẩu.

Địa giới xã Tân Chánh Hiệp ở phía đông giáp xã Tân Thới Hiệp ; phía tây giáp xã Trung Mỹ Tây ; phía nam giáp xã Đông Hưng Thuận, ranh giới là tim đường số 1 ; phía bắc giáp các xã Đông Thạnh và Thới Tam Thôn.

3. Tách 141 héc-ta diện tích tự nhiên với 631 nhân khẩu của ấp Đồng Tiến thuộc xã Đông Hưng Thuận để sáp nhập vào xã Trung Mỹ Tây.

Sau khi phân vạch lại địa giới hành chính :

— Xã Đông Hưng Thuận gồm 6 ấp Hàng Sao, Tân Hưng, Đồng Tiến, Cây Sộp, Chợ Cầu và Bàu Nai, có 428 héc-ta diện tích tự nhiên với 19.807 nhân khẩu.

Địa giới xã Đông Hưng Thuận ở phía đông giáp xã Tân Thới Hiệp ; phía tây giáp xã Tân Thới Nhất ; phía nam giáp phường 15 của quận Tân Bình và phường 12 của quận Gò Vấp ; phía bắc giáp các xã Tân Chánh Hiệp và Trung Mỹ Tây, ranh giới là tim đường số 1.

— Xã Trung Mỹ Tây gồm 6 ấp Vạn Hạnh, Mỹ Hòa, Trung Mỹ Tây, Trung Chánh, Quang Trung và Đồng Tiến, có 297 héc-ta diện tích tự nhiên với 15.272 nhân khẩu.

Địa giới xã Trung Mỹ Tây ở phía đông giáp xã Tân Chánh Hiệp ; phía tây giáp xã Bà Điểm ; phía nam giáp xã Đông

096-5637

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

Hưng Thuận, ranh giới là tim đường số 1; phía bắc giáp xã Tân Xuân.

B. Quận Bình Thạnh.

1. Giải thể các phường 9, 10 và 18 để sáp nhập vào các phường khác:

a) Sáp nhập 15 tổ dân phố với 4.059 nhân khẩu của phường 9 và 15 tổ dân phố với 3.250 nhân khẩu của phường 10 vào phường 12; tách 12 tổ dân phố với 3.402 nhân khẩu của phường 12 để sáp nhập vào phường 14.

Phường 12 (mới) gồm 70 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 70 với 17.387 nhân khẩu.

Địa giới phường 12 (mới) ở phía đông giáp phường 26, ranh giới là tim rạch Thủ Tác; phía tây giáp các phường 11 và 14, ranh giới là tim các đường Phan Văn Trị, Trần Quý Cáp và Nơ Trang Long; phía nam giáp phường 24, ranh giới là tim các đường Bùi Đình Túy và Nguyễn Thiện Thuật; phía bắc giáp phường 13, ranh giới là tim rạch Thủ Tác.

b) Tách 4 tổ dân phố với 945 nhân khẩu của phường 14 và 27 tổ dân phố với 8.442 nhân khẩu còn lại của phường 9 để sáp nhập vào phường 24.

Phường 24 (mới) gồm 65 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 65 với 16.833 nhân khẩu.

Địa giới phường 24 (mới) ở phía đông giáp phường 25, ranh giới là tim đường Xô-viết Nghệ Tĩnh; phía tây giáp phường 14, ranh giới là tim các đường Nguyễn Thiện Thuật, Huỳnh Đình Hai và Phan Chu Trinh; phía nam giáp các phường 2 và 15, ranh giới là tim đường Bạch Đằng; phía bắc giáp các phường 12 và 26, ranh giới là tim đường Bùi Đình Túy và tim rạch Thủ Tác.

c) Sáp nhập 22 tổ dân phố với 5.372 nhân khẩu còn lại của phường 10 vào phường 11.

Phường 11 (mới) gồm 65 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 65 với 17.767 nhân khẩu.

Địa giới phường 11 (mới) ở phía đông giáp các phường 12 và 14, ranh giới là tim các đường Phan Văn Trị, Nơ Trang Long và Trần Quý Cáp; phía tây giáp phường 12 của quận Gò Vấp, ranh giới là ranh giới cũ giữa các phường 1 và 2 của quận Gò Vấp và phường 11 của quận Bình Thạnh; phía nam giáp các phường 5 và 7, ranh giới là tim đường Lê Quang Định; phía bắc giáp phường 13 của quận Bình Thạnh và phường 6 của quận Gò Vấp, ranh giới là đường sắt và rạch Ông Nền.

d) Tách 10 tổ dân phố với 3.895 nhân khẩu của phường 18 để sáp nhập vào phường 19.

Phường 19 (mới) gồm 58 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 58 với 13.784 nhân khẩu.

Địa giới phường 19 (mới) ở phía đông nam giáp các phường 22, 8 và 9 của quận 1, ranh giới là tim rạch Văn Thánh và rạch Thị Nghè; phía tây giáp phường 17, ranh giới là tim đường Xô-viết Nghệ Tĩnh; phía bắc giáp phường 21, ranh giới là tim các đoạn đường Nguyễn Văn Lạc và Ngô Tất Tố.

e) Sáp nhập 34 tổ dân phố với 9.063 nhân khẩu còn lại của phường 18 vào phường 21.

Phường 21 (mới) gồm 66 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 66 với 18.225 nhân khẩu.

Địa giới phường 21 (mới) ở phía đông giáp phường 22, ranh giới là tim rạch Văn Thánh; phía tây giáp phường 17, ranh giới là tim đường Xô-viết Nghệ Tĩnh;

phía nam giáp phường 19, ranh giới là tim các đường Ngô Tất Tố và Nguyễn Văn Lạc; phía bắc giáp phường 25, ranh giới là tim đường Điện Biên Phủ.

2. Sáp nhập phường 3 và phường 4 thành một phường lấy tên là phường 3.

Phường 3 (mới) gồm 85 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 85 với 20.781 nhân khẩu.

Địa giới phường 3 (mới) ở phía đông giáp phường 1, ranh giới là tim đường Đinh Tiên Hoàng; phía tây nam giáp phường 7 của quận Phú Nhuận, ranh giới là tim rạch Thị Nghè và đường không tên (ranh giới cũ giữa phường 7 của quận Phú Nhuận với phường 3 cũ và phường 4 cũ của quận Bình Thạnh); phía bắc giáp các phường 6, 7 và 14, ranh giới là tim đường Phan Đăng Lưu.

3. Sáp nhập phường 15 và phường 23 thành một phường lấy tên là phường 15.

Phường 15 (mới) gồm 73 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 73 với 15.757 nhân khẩu.

Địa giới phường 15 (mới) ở phía đông giáp các phường 17 và 25, ranh giới là tim các đường Điện Biên Phủ và Xô-viết Nghệ Tĩnh; phía tây giáp phường 2, ranh giới là tim rạch Cầu Bông; phía nam giáp phường 7 của quận 1, ranh giới là tim rạch Thị Nghè; phía bắc giáp phường 24, ranh giới là tim đường Bạch Đằng.

4. Sáp nhập phường 16 và phường 17 thành một phường lấy tên là phường 17.

Phường 17 (mới) gồm 82 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 82 với 17.971 nhân khẩu.

Địa giới phường 17 (mới) ở phía đông giáp các phường 19 và 21, ranh giới là tim đường Xô-viết Nghệ Tĩnh; phía tây bắc giáp các phường 15 và 24, ranh giới là tim

đường Điện Biên Phủ; phía nam giáp phường 7 của quận 1, ranh giới là tim rạch Thị Nghè.

5. Tách 11 tổ dân phố với 2.741 nhân khẩu của phường 14 để sáp nhập vào phường 2.

Sau khi phân vạch lại địa giới hành chính:

— Phường 2 (mới) gồm 57 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 57 với 14.261 nhân khẩu.

Địa giới phường 2 (mới) ở phía đông giáp phường 15, ranh giới là tim rạch Cầu Bông; phía tây giáp phường 1, ranh giới là tim đường Bùi Hữu Nghĩa; phía nam giáp phường 3 của quận 1, ranh giới là tim rạch Thị Nghè; phía bắc giáp các phường 14 và 24, ranh giới là tim đường Bạch Đằng.

— Phường 14 (mới) gồm 53 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 53 với 12.415 nhân khẩu.

Địa giới phường 14 (mới) ở phía đông bắc giáp các phường 12 và 24, ranh giới là tim các đường Phan Văn Trị, Nguyễn Thiện Thuật, Huỳnh Đình Hai và Phan Chu Trinh; phía tây giáp phường 7, ranh giới là tim đường Nơ Trang Long; phía nam giáp các phường 1, 2 và 3, ranh giới là tim các đường Phan Đăng Lưu và Bạch Đằng.

C. Quận Tân Bình.

1. Tách 20 tổ dân phố với 4.787 nhân khẩu của phường 5 để sáp nhập vào phường 4, tách khu phố 5 và khu phố 6 (trong khu quân sự Tân Sơn Nhất) với 2.058 nhân khẩu để sáp nhập vào phường 2.

Phường 4 (mới) có 74 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 74 với 13.752 nhân khẩu.

Địa giới phường 4 (mới) ở phía đông giáp các phường 2, 3 và 5, ranh giới là tim đường hẻm 368, khu giải trí Tân Bình và đường ranh giới cũ giữa các phường 2, 3 và 4; phía tây bắc giáp phường 12 và khu quân sự Tân Sơn Nhất, ranh giới là bức tường và hàng rào quân sự (ranh giới cũ); phía nam giáp các phường 7 và 11, ranh giới là tim đường Cách mạng Tháng Tám.

2. Sáp nhập 30 tổ dân phố với 7.192 nhân khẩu của phường 5 (phần còn lại) và phường 8 thành một phường lấy tên là phường 5.

Phường 5 (mới) gồm 70 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 70 với 19.081 nhân khẩu.

Địa giới phường 5 (mới) ở phía đông giáp phường 20 của quận 3, ranh giới là đường ranh giới cũ giữa phường 5 của quận Tân Bình và phường 20 của quận 3; phía tây giáp phường 4, ranh giới là tim hẻm 368, khu giải trí Tân Bình; phía nam giáp các phường 6 và 7, ranh giới là tim đường Cách mạng Tháng Tám; phía bắc giáp phường 3, ranh giới là tim kênh Nhiêu Lộc.

3. Tách 19 tổ dân phố với 3.437 nhân khẩu của phường 19 để sáp nhập vào phường 18.

Phường 18 (mới) gồm 94 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 94 với 17.752 nhân khẩu.

Địa giới phường 18 (mới) ở phía đông giáp phường 19 (mới), ranh giới là tim đường số 14; phía tây giáp xã Bình Hưng Hòa của huyện Bình Chánh, ranh giới là tim đường số 3; phía nam giáp phường 20, ranh giới là tim các đường số 1 và số 2; phía bắc giáp các phường 16 và 17, ranh giới là tim kênh Tân Hương và đường Vườn Lài.

4. Tách 22 tổ dân phố với 5.918 nhân khẩu của phường 19 để sáp nhập vào phường 20.

Phường 20 (mới) gồm 71 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 71 với 15.467 nhân khẩu.

Địa giới phường 20 (mới) ở phía đông giáp phường 19 (mới) của quận Tân Bình và phường 2, phường 3 của quận 11, ranh giới là tim đường số 14, đường Hòa Bình và đường bờ Đầm Sen; phía tây giáp xã Bình Trị Đông của huyện Bình Chánh, ranh giới là đường số 3; phía nam giáp phường 8 của quận 6, ranh giới là tim rạch Tân Hóa; phía bắc giáp phường 18 (mới), ranh giới là tim các đường số 2 và số 1.

5. Sáp nhập 9 tổ dân phố với 2.632 nhân khẩu của phường 19 (phần còn lại) và phường 21 thành một phường lấy tên là phường 19.

Phường 19 (mới) gồm 80 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 80 với 17.877 nhân khẩu.

Địa giới phường 19 (mới) ở phía đông giáp các phường 10 và 13, ranh giới là tim đường số 15; phía tây giáp các phường 18 và 20, ranh giới là tim đường số 14; phía nam giáp phường 20 cùng quận và phường 20, 21 của quận 11, ranh giới là tim đường Hòa Bình và bờ tường (ranh giới cũ giữa phường 19 và các phường 20, 21 của quận 11); phía bắc giáp phường 17, ranh giới là tim đường Tân Thành.

6. Giải thể phường 22 để sáp nhập vào các phường khác.

a) Tách 36 tổ dân phố với 7.135 nhân khẩu của phường 22 để sáp nhập vào phường 1 thành một phường lấy tên là phường 11.

Phường 11 (mới) gồm 93 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 93 với 16.708 nhân khẩu.

Địa giới phường 11 (mới) ở phía đông giáp các phường 7 và 8, ranh giới là tim các đường Lý Thường Kiệt và Lạc Long Quân; phía tây giáp phường 13, ranh giới là tim đường bờ Thửa và kênh Bàu Cát; phía nam giáp phường 10, ranh giới là tim các đường số 2 và Hồng Lạc; phía bắc giáp các phường 4 và 12, ranh giới là tim đường Nguyễn Bá Tông và đường hẻm ra đường Cách mạng Tháng Tám.

b) Tách 1 tổ dân phố với 209 nhân khẩu của phường 22 để sáp nhập vào phường 13.

Phường 13 (mới) gồm 64 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 64 với 15.461 nhân khẩu.

Địa giới phường 13 (mới) ở phía đông nam giáp các phường 10, 11 và 12, ranh giới là tim các đường Hoàng Hoa Thám, Cách mạng Tháng Tám, Lê Lai, đường bờ Thửa, kênh Bàu Cát và đường số 2; phía tây bắc giáp các phường 14 và 17, ranh giới là tim các đường số 15, đường bờ Thửa, Tân Thành, Cách mạng Tháng Tám và tường rào khu quân sự Tân Sơn Nhất.

c) Sáp nhập 19 tổ dân phố với 6.813 nhân khẩu của phường 22 (phần còn lại) và phường 23 thành một phường lấy tên là phường 10.

Phường 10 (mới) gồm 63 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 63 với 15.662 nhân khẩu.

Địa giới phường 10 (mới) ở phía đông nam giáp các phường 8 và 9, ranh giới là tim đường Lạc Long Quân; phía tây giáp phường 19 (mới), ranh giới là tim đường số 15; phía bắc giáp các phường 11 và 13, ranh giới là tim các đường số 2 và Hồng Lạc.

7. Giải thể phường 26 để sáp nhập vào các phường khác:

a) Tách 28 tổ dân phố với 7.324 nhân khẩu của phường 26 để sáp nhập với phường 24 thành một phường lấy tên là phường 9.

Phường 9 (mới) gồm 83 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 83 với 20.274 nhân khẩu.

Địa giới phường 9 (mới) ở phía đông nam giáp phường 6 của quận Tân Bình và phường 15 của quận 11, ranh giới là tim các đường Lý Thường Kiệt, Thiên Phước và Nguyễn Thị Nhỏ; phía tây giáp phường 10 của quận Tân Bình và phường 20 của quận 11, ranh giới là tim các đường Âu Cơ và Lạc Long Quân; phía bắc giáp phường 8, ranh giới là tim đường hẻm 175.

b) Sáp nhập 10 tổ dân phố với 2.229 nhân khẩu của phường 26 (phần còn lại) và phường 25 thành một phường lấy tên là phường 8.

Phường 8 (mới) gồm 76 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 76 với 15.392 nhân khẩu.

Địa giới phường 8 (mới) ở phía đông giáp các phường 6 và 7, ranh giới là tim đường Lý Thường Kiệt; phía tây bắc giáp các phường 10 và 11, ranh giới là tim đường Lạc Long Quân; phía nam giáp phường 9, ranh giới là tim hẻm 175 đường Lý Thường Kiệt.

8. Sáp nhập phường 6 và 7 thành một phường lấy tên là phường 6.

Phường 6 (mới) gồm 98 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 98 với 21.162 nhân khẩu.

Địa giới phường 6 (mới) ở phía đông nam giáp phường 25 của quận 10, ranh giới là đường ranh giới cũ giữa phường 6

Tel: 04-3846684 * www.LawSoft.com

và phường 25 của quận 10 ; phía tây giáp các phường 8 và 9, ranh giới là tim đường Lý Thường Kiệt ; phía bắc giáp các phường 5 và 7, ranh giới là tim các đường Nghĩa Phát và Cách mạng Tháng Tám.

9. Tách một phần nghĩa trang của phường 2 gồm 1,6 hécta diện tích tự nhiên với 71 nhân khẩu để sáp nhập với các phường 9 (cũ) và 10 (cũ) thành một phường. lấy tên là phường 3.

Phường 3 (mới) gồm 71 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 71 với 14.306 nhân khẩu.

Địa giới phường 3 (mới) ở phía đông giáp phường 1, ranh giới là tim đường Bùi Thị Xuân ; phía tây bắc giáp các phường 2 và 4, ranh giới là tim đường Phạm Văn Hai, hẻm 124 A nối qua hẻm 130 và tường rào nghĩa trang (ranh giới cũ) ; phía nam giáp phường 5, ranh giới là tim kênh Nhiều Lộc.

10. Phường 2 sau khi phân vạch lại địa giới hành chính với phường 3 (mới) và phường 4, có 53 tổ dân phố, từ tổ 1 đến tổ 53 với 13.946 nhân khẩu.

Địa giới phường 2 (mới) ở phía đông giáp phường 1, ranh giới là tim các đường Hoàng Văn Thụ và Phạm Văn Hai ; phía tây bắc giáp phường 4 và khu quân sự Tân Sơn Nhất, ranh giới là tim đường Hoàng Văn Thụ và tường rào khu quân sự Tân Sơn Nhất (ranh giới cũ) ; phía nam giáp các phường 3 và 4, ranh giới là tim hẻm 124A Phạm Văn Hai, hẻm 130 và hẻm 429 Hoàng Văn Thụ.

Điều 2.— Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Ban Tổ chức

của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
NGUYỄN KHÁNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 222-CT ngày 6-8-1988 về các biện pháp cấp bách nhằm củng cố và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Trong mấy năm gần đây, công tác quản lý chất lượng bước đầu đã có những kết quả nhất định. Một số ngành, địa phương và cơ sở có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, sản xuất ra một số sản phẩm đạt và vượt tiêu chuẩn chất lượng, được cấp dấu chất lượng Nhà nước.

Tuy nhiên, hiện nay nhiều sản phẩm tiêu dùng không đáp ứng yêu cầu sử dụng tối thiểu và thị hiếu của nhân dân. Nhiều sản phẩm xuất khẩu không đáp ứng được yêu cầu của thị trường về tính năng sử dụng, thẩm mỹ, bao bì... Trên thị trường trong nước còn lưu hành nhiều hàng giả, kẻ cả thực phẩm giả, dược phẩm giả, gây độc hại thậm chí làm chết người. Tình trạng đó đã gây ra lãng phí vật tư, năng lượng, làm thiệt hại lớn cho nền kinh tế quốc dân, gây thêm khó khăn cho đời sống nhân dân và thu hẹp thị trường xuất khẩu.

0965363636
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684